

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 - 2025

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam; Quyết định số 788/QĐ-BYT ngày 13/02/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Công văn số 3033/BYT-KHTC ngày 02/6/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được bố trí từ ngân sách Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2021-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023-2025, như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra; giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường đảm bảo sức khỏe cộng đồng; nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm; khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng; duy trì mức sinh thay thế, hạn chế gia tăng tốc độ tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể các dự án thành phần đến năm 2025:

Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Phạm vi thực hiện: Triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến năm 2025.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG:

1. Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến:

1.1. Mục tiêu chung: Chủ động phòng một số dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế, không để dịch sớm xảy ra; giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong do một số bệnh xã hội, bệnh nguy hiểm; khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

1.2. Nội dung chủ yếu:

a) Hoạt động phòng, chống lao.

- Tăng cường năng lực xét nghiệm và X-quang phổi, bảo đảm chất lượng theo quy định.

- Triển khai các can thiệp tích cực, phát hiện chủ động, chẩn đoán sớm và quản lý bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, bảo đảm chất lượng điều trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công; giảm tỷ lệ thất bại, bỏ điều trị, chết.

- Cung ứng đủ thuốc chống lao; từ năm 2019 thanh toán thuốc từ Quỹ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có thể bảo hiểm y tế, các đối tượng khác chưa được thanh toán thuốc từ Quỹ BHYT do ngân sách của chương trình thanh toán.

- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế đủ năng lực chuyên môn để thực hiện chăm sóc bệnh lao.

- Giám sát chuyên môn, hiệu quả hoạt động phòng chống lao tại các tuyến, tăng cường áp dụng hệ thống thông tin điện tử trong quản lý dữ liệu và quản lý chương trình.

b) Hoạt động phòng, chống phong.

- Tổ chức khám phát hiện và đa hóa trị liệu cho bệnh nhân phong mới.

- Phòng chống tàn tật, phục hồi chức năng và tái hòa nhập cộng đồng cho bệnh nhân phong.

- Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức truyền thông giáo dục sức khỏe bệnh phong cho cộng đồng.

- Duy trì ổn định mạng lưới phòng, chống phong từ tỉnh đến cơ sở.

- Tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho cán bộ chuyên trách tuyến cơ sở qua các lớp tập huấn, hướng dẫn thực hành giáo dục sức khỏe, chăm sóc bệnh nhân tàn tật, phục hồi chức năng cho bệnh nhân Phong.

- Duy trì thành quả loại trừ bệnh phong ở tuyến tỉnh, huyện.

c) Hoạt động phòng, chống, loại trừ sốt rét và bệnh ký sinh trùng thường gặp.

- Quản lý các trường hợp sốt rét, dân cư trong vùng nguy cơ và dân cư di biến động ở cấp thôn, xã phường.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống, loại trừ sốt rét và bệnh ký sinh trùng thường gặp.

- Điều tra, đáp ứng, giám sát ca bệnh/ổ bệnh sốt rét.

- Giám sát trọng điểm bệnh ký sinh trùng thường gặp.

- Giám sát dịch tễ sốt rét và giám sát công tác chẩn đoán, điều trị bệnh nhân.

- Cung cấp đầy đủ các vật tư, hóa chất, thuốc và các phương tiện đảm bảo đáp ứng phòng chống dịch kịp thời và hiệu quả.

d) Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt xuất huyết.

- Dự trữ vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống sốt xuất huyết cho các địa bàn có dịch bùng phát khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

e) Hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm các dịch bệnh nguy hiểm như: Covid-19, cúm A (H5N1, H7N9...), sởi, tay chân miệng...

- Không chế kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm không để dịch lây lan trên diện rộng, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ mắc và tử vong.

- Đảm bảo đủ thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch.

f) Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

- Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng cho các bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và trầm cảm đã được phát hiện ở giai đoạn trước.

- Phát hiện, lập hồ sơ điều trị, quản lý, phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và trầm cảm mới.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phát hiện, quản lý, điều trị và phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần.

- Giám sát chuyên môn hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

g) Hoạt động phòng, chống ung thư.

- Tổ chức khám sàng lọc ung thư tại cộng đồng.

- Đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh ung thư.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư.

- Hướng dẫn phòng, chống bệnh ung thư, các yếu tố nguy cơ cho người bệnh và cộng đồng.

- Giám sát chuyên môn hoạt động phòng, chống ung thư.

h) Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch.

- Đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh tim mạch.
- Xây dựng, triển khai mô hình ghi nhận, quản lý người bệnh tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim. Tổ chức mô hình sinh hoạt câu lạc bộ cho người bệnh tăng huyết áp, tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim.
- Khám phát hiện sớm, quản lý, tư vấn, dự phòng đối với người thừa cân, béo phì, tăng huyết áp, tăng đường máu, rối loạn mỡ máu, nguy cơ tim mạch.
- Lồng ghép khám sàng lọc phát hiện, quản lý dự phòng người có nguy cơ cao và mắc các bệnh không lây nhiễm vào các hoạt động khám sức khỏe định kỳ và quản lý sức khỏe tại các trường học, cơ quan, xí nghiệp, nhà máy.
- Triển khai các hình thức lồng ghép, quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm phù hợp tại tuyến xã; lập hồ sơ sổ sách, quản lý, theo dõi và tư vấn chăm sóc bệnh nhân tại tuyến xã.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông sức khỏe nhân Ngày phòng chống bệnh Tăng huyết áp (17/5), Ngày Tim mạch thế giới (29/9).

i) Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu iốt.

- Khám sàng lọc phát hiện sớm người mắc bệnh đái tháo đường, tiền đái tháo đường để áp dụng các biện pháp quản lý, điều trị.
- Duy trì quản lý các bệnh nhân đái tháo đường đã được phát hiện để hạn chế tối đa các biến chứng của bệnh.
- Đào tạo tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt.
- Nâng cao năng lực hệ thống phòng xét nghiệm Iốt tại tuyến huyện.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông Ngày thế giới phòng chống bệnh đái tháo đường (14/11), ngày toàn dân hưởng ứng mua và dùng muối I ốt (02/11).

j) Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản (BPTNMT – HPQ).

- Xây dựng mạng lưới các phòng quản lý bệnh phổi tắc nghẽn và mãn tính và hen phế quản.
- Tuyên truyền, nâng cao kiến thức, nhận thức người dân về bệnh phổi tắc nghẽn và mãn tính và hen phế quản.
- Khám sàng lọc phát hiện sớm bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản tại cộng đồng.
- Triển khai đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức cho cán bộ y tế về hoạt động phòng, chống BPTNMT - HPQ.

- Thành lập Câu lạc bộ phòng chống BPTNMT – HPQ.
- Mua thuốc, vật tư, trang thiết bị thiết yếu cho các đơn vị triển khai hoạt động về BPTNMT&HPQ.

k) Hoạt động y tế trường học.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường.
- Thực hiện các hoạt động giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi về phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường cho học sinh.
- Thực hiện các hoạt động dự phòng, phát hiện sớm nguy cơ, tư vấn, chăm sóc, quản lý sức khỏe học sinh. Triển khai khám chuyên khoa, phát hiện các bệnh, tật thường gặp ở lứa tuổi học đường.
- Giám sát chuyên môn.

2. Tiêm chủng mở rộng:

2.1. Mục tiêu chung: Giữ vững các kết quả đã đạt được, tiến tới không chế và loại trừ một số bệnh có vắc xin phòng ngừa; củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tiêm chủng.

2.2. Nội dung chủ yếu:

- Duy trì công tác tiêm chủng mở rộng và tổ chức các chiến dịch tiêm chủng.
- Cung ứng đủ vắc xin, vật tư tiêm chủng đáp ứng nhu cầu tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản trên toàn tỉnh và các sinh phẩm, vật tư chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn tiêm chủng mở rộng.
- Giám sát chuyên môn tiêm chủng mở rộng.
- Quản lý đối tượng tiêm chủng trên hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia nhằm đảm bảo kịp thời, chính xác trong quản lý tiêm chủng.

3. Dân số và phát triển:

3.1. Mục tiêu chung: Chủ động duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số về thể chất nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; khống chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng; quản lý, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Giảm tử vong và tình trạng suy dinh dưỡng ở bà mẹ, trẻ em, thu hẹp chênh lệch các chỉ số sức khỏe bà mẹ, trẻ em giữa các vùng trong tỉnh.

3.2. Nội dung chủ yếu

- a) Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS - KHHGD).
 - Cung cấp đầy đủ phương tiện tránh thai, hóa chất, thuốc thiết yếu và vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế/KHHGD cho các đơn vị.

- Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và nâng cao chất lượng dân số. Củng cố, mở rộng và phát triển dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh. Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc Dioxin thực hiện dịch vụ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh, dịch vụ khám sức khỏe tiền hôn nhân. Tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân; theo dõi, quản lý đối tượng đã sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Can thiệp thay đổi hành vi, tập quán sử dụng dịch vụ DS - KHHGD và các loại hình dịch vụ phù hợp với tâm lý, tập quán của người dân tộc thiểu số.

- Tổ chức can thiệp giảm tình trạng người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn, chú trọng nhà trường, khu công nghiệp, khu chế xuất và các địa bàn đặc thù; củng cố các điểm cung cấp dịch vụ KHHGD thân thiện.

- Kiểm soát dân số vùng biển, ven biển.

- Duy trì, hoàn thiện hệ thống quản lý phương tiện tránh thai, khai thác và cung cấp thông tin chuyên ngành DS - KHHGD.

- Kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Khuyến khích cộng đồng, tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số; đưa nội dung chính sách dân số vào hương ước, quy ước, vào chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Hỗ trợ người nghèo, người cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng mức sinh cao thực hiện dịch vụ KHHGD và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế (nếu có). Tư vấn sử dụng, theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng các biện pháp tránh thai, KHHGD.

- Đẩy mạnh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai; xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển.

- Tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, chú trọng công tác thăm, tư vấn tại hộ gia đình và tư vấn nhóm nhỏ cho các đối tượng khó tiếp cận và địa bàn trọng điểm.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ DS - KHHGD tại các địa bàn trọng điểm, nâng cao nhận thức về mất cân bằng giới tính khi sinh; tổ chức các hoạt động nhân các sự kiện DS - KHHGD; tuyên truyền phổ biến, giáo dục về DS - KHHGD.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về DS - KHHGD.

- Hỗ trợ cộng tác viên thực hiện công tác DS - KHHGD.

b) Hoạt động phục hồi chức năng (PHCN) tại cộng đồng.

- Duy trì chương trình PHCN dựa vào cộng đồng tại 65/65 xã, phường trên toàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo tập huấn bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng PHCN cho người khuyết tật tại cộng đồng cho cán bộ nhân viên y tế và cộng tác viên PHCN.

- Khám điều tra, sàng lọc người khuyết tật và nhu cầu PHCN cho người khuyết tật khó khăn về vận động tại cộng đồng.

- Tổ chức truyền truyền văn gia tại cộng đồng thông qua cán bộ nhân viên Y tế và đội ngũ cộng tác viên.

- Cập nhật số liệu thông tin cá nhân người khuyết tật vào phần mềm hệ thống thông tin quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 3815/QĐ-BYT ngày 21/8/2017 của Bộ Y tế.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị Y tế phục vụ chuyên môn.

c) Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn, mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại các đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung (trung tâm dưỡng lão...) cho người cao tuổi.

- Đào tạo, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho cán bộ, nhân viên cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

- Tổ chức khám sàng lọc phát hiện bệnh sớm ở người cao tuổi.

d) Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Nâng cao chất lượng can thiệp thiết yếu chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau sanh. Giảm số mắc tai biến sản khoa, tử vong mẹ và tử vong trẻ em.

- Sàng lọc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục; phát hiện sớm, điều trị các tổn thương tiền ung thư và ung thư cổ tử cung.

- Cải thiện sức khỏe sinh sản cho vị thành niên/thanh niên (VTN/TN). Giảm số trường hợp có thai và phá thai ở tuổi VTN.

- Tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con nhằm tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai và tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm HIV.

e) Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

- Đào tạo, tập huấn và giám sát chuyên môn về cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em.

- Hướng dẫn thực hành kỹ thuật chế biến thức ăn và chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ có con dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì; xây dựng mô hình phòng, chống suy dinh dưỡng đặc thù từng vùng.

- Tổ chức các chiến dịch bổ sung vitamin A, chiến dịch phòng, chống suy dinh dưỡng.

- Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, vùng cần được hỗ trợ khẩn cấp về dinh dưỡng.

4. An toàn thực phẩm:

4.1. Mục tiêu chung: Kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập, phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

4.2. Nội dung chủ yếu:

- Trang bị test nhanh phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm.

- Bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nghiệp vụ về công tác an toàn thực phẩm.

- Triển khai công tác thanh tra, hậu kiểm; kiểm tra chéo công tác an toàn thực phẩm tại các tỉnh theo kế hoạch của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế; học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác an toàn thực phẩm giữa các tỉnh.

- Lấy mẫu, mua mẫu và kiểm nghiệm mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm.

- Điều tra, giám sát ngộ độc thực phẩm, giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm; cảnh báo, xử lý các sự cố về an toàn thực phẩm, kiểm soát an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố.

- Thông tin truyền thông các quy định, kiến thức an toàn thực phẩm cho cơ sở. Điều tra, thống kê, báo cáo, quản lý điều kiện an toàn thực phẩm.

- Tổ chức hoạt động cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm tuyến tỉnh, huyện, xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn, uống.

- Xây dựng mô hình kiểm soát an toàn thực phẩm, bếp ăn tập thể an toàn và kiểm soát an toàn thực phẩm thức ăn đường phố.

5. Phòng, chống HIV/AIDS:

5.1. Mục tiêu chung: Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư dưới 0,2% vào năm 2025, giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Hướng tới ứng dụng các kỹ thuật mới có tính đặc hiệu cao về dự phòng, điều trị HIV/AIDS; can thiệp chủ động, toàn diện, tiếp cận phổ cập, nâng cao chất lượng và bảo đảm tính bền vững của công tác phòng, chống HIV/AIDS.

5.2. Nội dung chủ yếu:

- Tăng cường xét nghiệm phát hiện HIV: Mở rộng xét nghiệm sàng lọc HIV, đặc biệt là xét nghiệm tại cộng đồng; giám sát dịch HIV.

- Mở rộng can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV: Kết hợp phát

miễn phí với tiếp thị xã hội bao cao su và truyền thông thay đổi hành vi. Mở rộng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; triển khai cấp phát thuốc thay thế theo quy định.

- Mở rộng, bảo đảm chất lượng điều trị HIV/AIDS: Kiện toàn mạng lưới các phòng khám ngoại trú HIV/AIDS đủ điều kiện để thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội; 100% bệnh nhân đang điều trị ARV có thể bảo hiểm y tế, mở rộng mạng lưới cấp phát thuốc ARV tại trạm y tế tuyến xã. Tăng cường quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS, kiểm soát tải lượng vi rút. Tăng cường dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; hoàn thiện mạng lưới điều trị đồng nhiễm HIV/Lao, HIV/Viêm gan vi rút. Bảo đảm cung ứng thuốc và giám sát tình hình kháng thuốc ARV.

- Nâng cao năng lực và theo dõi, giám sát, đánh giá.

6. Quân, dân y kết hợp:

6.1. Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y, đặc biệt là địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực trọng điểm quốc phòng, an ninh; Tăng cường năng lực của lực lượng quân y, dân y kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh; Hoàn thiện tổ chức và năng lực của lực lượng dự bị động viên ngành y tế, lực lượng huy động ngành y tế; Tăng cường phối hợp các cơ sở khám chữa bệnh quân dân y trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng y tế của tỉnh.

6.2. Nội dung chủ yếu:

- Triển khai thực hiện công tác kết hợp quân dân y trong khám bệnh, chữa bệnh; phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; xây dựng các đơn vị y tế dự bị động viên; văn kiện bảo đảm y tế khu vực phòng thủ... theo các văn bản hướng dẫn triển khai của Trung ương.

- Củng cố, nâng cao năng lực khám bệnh, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh tại tuyến y tế cơ sở; Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế quân y, dân y tuyến y tế cơ sở đủ khả năng xử trí cấp cứu ban đầu và điều trị các bệnh thường gặp, quản lý các bệnh mãn tính tại tuyến y tế cơ sở.

- Triển khai xây dựng các tổ, đội huy động ngành y tế; rà soát điều chỉnh, kiện toàn các đơn vị y tế dự bị động viên bảo đảm y tế phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai thảm họa, dịch bệnh theo hướng dẫn của Trung ương.

- Xây dựng kế hoạch phòng thủ ngành y tế trên cơ sở phối hợp các lực lượng quân dân y tại các địa phương theo quy định.

- Tăng cường chất lượng kết hợp quân dân y và phối hợp hoạt động các lực lượng quân dân y trong phòng chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các tình huống cấp khác.

- Triển khai công tác khám chữa bệnh chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

7. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế:

7.1. Mục tiêu chung: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá bảo đảm thực hiện Chương trình hiệu quả. Triển khai các hoạt động truyền thông y tế, chủ động góp phần phòng, chống bệnh, tật nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng.

7.2. Nội dung chủ yếu:

- Thiết lập và tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá và truyền thông.

- Tổ chức giám sát theo kế hoạch về các hoạt động thực hiện Chương trình ở các tuyến trong tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, website của ngành...

- Tổ chức các ngày, tháng cao điểm về truyền thông phù hợp với các hoạt động của Kế hoạch.

- Triển khai đầy đủ các hoạt động truyền thông gián tiếp tại cơ sở.

- Xây dựng, thiết kế, sản xuất các tài liệu truyền thông (tờ bướm, áp phích, TV spot, radio spot, làm mới và sửa chữa pano, áp phích...).

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, huy động sự tham gia của toàn xã hội thực hiện Chương trình Y tế - Dân số:

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm thực hiện để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch.

Tăng cường phối hợp các cấp, các ngành, đoàn thể; đồng thời huy động các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tích cực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; thực hiện lồng ghép các chương trình, mục tiêu, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

2. Phát triển mạng lưới y tế cơ sở, chú trọng công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2016 - 2025 theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục nâng cấp và củng cố hệ thống giám sát dịch bệnh; xây dựng và phát triển hệ thống cảnh báo sớm, đáp ứng nhanh; chủ động giám sát dịch tễ để

phát hiện sớm các nguy cơ ô nhiễm và bệnh dịch, dự phòng thuốc, hoá chất để chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra sau thiên tai, thảm hoạ, khổng chế và đẩy lùi các bệnh dịch mới phát sinh... giảm tỷ lệ mắc và chết của các bệnh truyền nhiễm gây dịch. Tăng cường hoạt động an toàn tiêm chủng, an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.

- Duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uôn ván sơ sinh. Tổ chức tốt công tác phòng, chống và quản lý các bệnh không lây nhiễm như bệnh tim mạch, ung thư, đái tháo đường; bệnh nghề nghiệp, phòng, chống tai nạn và thương tích một cách hiệu quả. Tiếp tục kiện toàn, củng cố và phát triển hệ thống y tế, đặc biệt là y tế cơ sở, mạng lưới y tế dự phòng.

- Tăng cường chất lượng dịch vụ chăm sóc, điều trị ARV và điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone và các hình thức cai nghiện có hiệu quả. Giảm tỷ lệ mắc mới, kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dưới 0,2%. Hướng tới mục tiêu “Ba không”: không còn người nhiễm mới HIV; không còn người tử vong do AIDS và không còn kỳ thị, phân biệt đối xử với HIV/AIDS.

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo Luật An toàn thực phẩm năm 2010, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ban, ngành Trung ương. Tăng cường phối hợp liên ngành, đến năm 2025 về cơ bản việc kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả.

3. Triển khai thực hiện hiệu quả công tác dân số và phát triển:

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, ổn định và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản ở các cấp theo hướng chuyên nghiệp hóa.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật; cập nhật, cung cấp thông tin tới các cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng. Triển khai có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng. Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Kết hợp tốt truyền thông đại chúng với truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, đặc biệt là việc tư vấn sàng lọc trước sinh, sơ sinh để phát hiện sớm những bất thường nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ y tế, nhất là tuyến xã; đào tạo kỹ thuật sàng lọc trước sinh, sơ sinh.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong thực hiện các can thiệp về vệ sinh và dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi. Đẩy mạnh huy động cộng đồng tham gia vào việc cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ trước và trong khi mang thai và bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em ở mọi lứa tuổi.

- Tăng cường và đẩy mạnh dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người dân trên địa bàn, cung ứng đủ phương tiện tránh thai, bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là người vị thành niên, thanh niên chưa lập gia đình, người di cư, người nhiễm HIV, người tàn tật, người bị ảnh hưởng của thiên tai, người bán dâm.

4. Tăng cường đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế:

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Y tế giai đoạn 2021 - 2025 và tổ chức thực hiện nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đặc thù đào tạo nhân lực y tế.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên y tế có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ năng lực thi hành nhiệm vụ, cụ thể hóa trong Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị. Tổ chức thực hiện chuẩn năng lực cần thiết cho từng loại hình nhân viên y tế, tiêu chuẩn hóa kết quả đầu ra cho đào tạo nhân lực y tế theo quy định của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Tỉnh để tăng cường thu hút cán bộ y tế làm việc lâu dài tại miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn; thực hiện quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội đối với cán bộ y tế mới ra trường.

5. Tập trung đổi mới, củng cố và hoàn thiện hệ thống y tế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về y tế, tăng cường hợp tác quốc tế:

- Nâng cao năng lực hoạch định và vận động chính sách, tăng cường xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng có sự tham gia rộng rãi của các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp và người dân.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống y tế. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

6. Theo dõi, kiểm tra giám sát và đánh giá:

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra giám sát liên ngành, chuyên ngành để theo dõi, đánh giá, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho việc triển khai kế hoạch trong tất cả các lĩnh vực và tại các tuyến.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và các chỉ tiêu y tế; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu được giao hằng năm.

V. KINH PHÍ

- Nguồn kinh phí địa phương.

- Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Nguồn huy động, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chịu trách nhiệm điều phối, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

- Hàng năm căn cứ văn bản hướng dẫn chuyên môn của Bộ, ngành kịp thời xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Chủ trì, rà soát các nguồn kinh phí địa phương và kinh phí nhận từ Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án, tài trợ... phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai thực hiện công tác y tế trường học; Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc mắt, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm; Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh, sinh viên trong các trường học.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan thực hiện chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chính sách y tế cho các đối tượng: Người nghèo, cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Phối hợp với Sở Y tế triển khai, tuyên truyền các chính sách, quy định về phòng, chống bệnh nghề nghiệp, quản lý sức khỏe cho người lao động.

4. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy y tế trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; Triển khai kịp thời các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe.

6. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; Tăng cường quản lý về kinh doanh thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe theo thẩm quyền nhằm giảm thiểu yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe từ các sản phẩm này.

- Tiếp tục chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Đề án nhân rộng Mô hình chợ an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được ban hành tại Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh.

7. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương để triển khai thực hiện kế hoạch, đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Bảo đảm việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chương trình Y tế - Dân số trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan truyền thông tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về các biện pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Quản lý, kiểm soát việc quảng cáo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với thuốc lá, rượu, bia và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ sức khỏe.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế thực hiện hiệu quả công tác kết hợp quân, dân y trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và bộ đội trên địa bàn tỉnh.

11. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh về công tác y tế; tuyên truyền công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tại cộng đồng.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể trên địa bàn quản lý và tổ chức thực hiện Kế hoạch; tiếp tục ưu tiên đưa các mục tiêu y tế vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và 05 năm; tăng cường đầu tư nguồn lực thực hiện các mục tiêu thuộc địa phương quản lý.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn phối hợp chặt chẽ trong nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch tại địa phương; hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo về Sở Y tế.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp, tham gia tổ chức triển khai, lồng ghép nguồn lực nhằm tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, yêu cầu các đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 5 tháng 6*), hàng năm (*trước ngày 5 tháng 12*) và đột xuất (*khi có yêu cầu*), báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp, báo cáo chung. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh NLB;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NNN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên

Phụ lục
CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ - DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến năm 2025
1	Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến		
<i>a.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống lao:</i>		
	Tỷ lệ mắc bệnh Lao /100.000 dân	người	< 126
	Tỷ lệ tử vong do Lao /100.000 dân	người	< 9
	Tỷ lệ bệnh lao sau khi phát hiện được thu nhận điều trị theo phác đồ	%	90
	Tỷ lệ điều trị lao thành công	%	85
	Tỷ lệ thử đàm/dân số	%	> 0,8
<i>b.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống phong:</i>		
	Tỷ lệ bệnh nhân phong dị hình tàn tật được chăm sóc y tế và phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng. Duy trì tiêu chí đạt tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong cấp tỉnh.	%	100
<i>c.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống sốt rét</i>		
	Tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân	%	0,01
	Tỷ lệ chết do sốt rét /100.000 dân		< 0,04
<i>d.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết</i>		
	Tỷ lệ mắc sốt xuất huyết trung bình/100.000 dân	người	< 129
	Tỷ lệ người bệnh chết/mắc sốt xuất huyết	người	< 0,09
<i>f.</i>	<i>Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần</i>		
	Tỷ lệ xã/phường quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh, rối loạn trầm cảm.	%	100
	Tỷ lệ bệnh nhân được quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng tại xã/phường đã được triển khai.	%	90
<i>g.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống ung thư</i>		
	Tỷ lệ mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng được phát hiện ở giai đoạn sớm;	%	35
<i>h.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch.</i>		
	Tỷ lệ người dân có kiến thức, thái độ, thực hành đúng về bệnh không lây nhiễm (tăng huyết áp, đái tháo đường)	%	> 50
	Tỷ lệ xã triển khai công tác phòng, chống bệnh tim mạch; phòng,	%	90

	chống Đái tháo đường.		
	Số người bị tăng huyết áp được phát hiện sớm	%	≤ 50
	Số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.	%	50
<i>i.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu iốt.</i>		
	Số người bệnh đái tháo đường được phát hiện	%	55
	Số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.	%	55
	Tỷ lệ người tiền đái tháo đường ≥ 40 tuổi được phát hiện	%	30
	Tỷ lệ người tiền đái tháo đường ≥ 40 tuổi phát hiện được can thiệp dự phòng, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	%	50
	Giảm tỷ lệ bướu cổ trẻ em từ 8 - 10 tuổi	%	< 8
<i>j.</i>	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản.</i>		
	Số bác sỹ có kỹ năng tham gia khám, chẩn đoán và điều trị về BTNMT - HPQ trên toàn tỉnh	%	70
	Tỷ lệ bệnh nhân có chẩn đoán mắc BPTNMT&HPQ được kê đơn đúng theo hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế,	%	> 50
	Tỷ lệ người dân có kiến thức, thái độ và thực hành đúng về BPTNMT - HPQ	%	> 50
<i>k.</i>	<i>Hoạt động y tế trường học</i>		
	Tỷ lệ trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường;	%	> 90
	Tỷ lệ học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm.	%	85
	Tỷ lệ học sinh và giáo viên được truyền thông, nâng cao kiến thức phòng chống bệnh tật học đường, phòng chống dịch bệnh trong trường học.	%	100
2	Tiêm chủng mở rộng		
	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 01 tuổi hằng năm	%	> 95
	Duy trì thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, tiến tới loại trừ bệnh sởi và triển khai một số vắc xin mới		
3	Dân số và phát triển		
	Tỷ số giới tính khi sinh (trẻ trai/100 trẻ gái)		< 110
	Tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh	%	50
	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	70

	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám quản lý thai	%	95
	Tỷ lệ phụ nữ có thai khám thai ít nhất 03 lần/3 thời kỳ	%	85
	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ đẻ	%	99,8
	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	%	75
	Tỷ lệ mắc tai biến sản khoa	%	<9
	Tỷ số chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	‰	<35
	Tỷ suất chết trẻ < 1 tuổi	‰	<10
	Tỷ suất chết trẻ < 5 tuổi	‰	< 15
	Tỷ lệ mang thai ở vị thành niên	%	< 6
	Tỷ lệ phá thai	%	< 15
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	< 11
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	< 21
	Tỷ lệ người khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận với dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp	%	50
	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi được phát hiện, can thiệp sớm	%	60
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí thân thiện với người cao tuổi	%	50
	Tuổi thọ bình quân	tuổi	75,5
	Tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.	%	100
4	An toàn thực phẩm		
	Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm trong vụ ngộ độc được ghi nhận/100.000 dân.	người	< 7
	Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý, người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.	%	90
	Tỷ lệ cơ sở thực phẩm thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP do ngành Y tế tuyến tỉnh quản lý được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	%	95
	Tỷ lệ cán bộ làm công tác ATTP tuyến tỉnh, huyện, xã được bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về ATTP.	%	100
	Tỷ lệ các sản phẩm thực phẩm sản xuất trên địa bàn quản lý thuộc diện công bố/tự công bố phải thực hiện đúng theo quy định	%	95
	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống được thanh tra, kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP.	%	90

5	Phòng, chống HIV/AIDS		
	Giảm số trường hợp nhiễm mới HIV trong nhóm nghiện chích ma túy vào năm 2025 so với năm 2020.	%	50
	Giảm số trường hợp nhiễm mới HIV do lây truyền HIV qua đường tình dục vào năm 2025 so với năm 2020.	%	25
	Tỷ lệ phụ nữ có thai nhiễm HIV, 100% trẻ em nhiễm HIV hoặc bị ảnh hưởng do HIV/AIDS được quản lý, chăm sóc và điều trị thuốc kháng vi rút HIV.	%	100
	Tỷ lệ người nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị được điều trị thuốc kháng vi rút HIV.	%	100
6	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế		
	Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông y tế năm 2023 - 2025 tại tỉnh và huyện được bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.	%	100
	Tỷ lệ Trung tâm Y tế huyện/thành phố (huyện) và 100% Trạm Y tế xã/ phường/thị trấn (xã) thực hiện tốt, đầy đủ góc Truyền thông giáo dục sức khỏe.	%	100
	Tỷ lệ lịch kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đột xuất các dự án trong quá trình triển khai được thực hiện	%	100
	Tỷ lệ các hình thức truyền thông gián tiếp được thực hiện ít nhất 12 lần trong năm.	%	100